

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/ HNGĐ- ST
Ngày 22/3/2019
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bạ
2. Ông Hoàng Văn Mùi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại Nhà văn hóa khu dân cư Bích Động- Tân Tiến, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 494/2019/TLST- HNGĐ ngày 28/12/2018 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy Q, sinh năm 1993

HKTT: Khu dân cư Đ, phường V, thành phố C, tỉnh H.

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư B, phường V, thành phố C, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số nhà 42, đường T, khu dân cư T 1, phường S, thành phố C, tỉnh H.

Chị Q, anh N đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Chị Q và anh N tự nguyện kết hôn ngày 24/5/2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường S, thành phố C, tỉnh H. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình anh N. Vợ chồng chung sống được khoảng 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Q trình bày là do vợ chồng bất đồng nhau về lối sống, sinh hoạt hằng ngày. Vợ chồng nói chuyện, bàn bạc vấn đề gì là xảy ra cãi cọ, xích mích và anh N lại đuổi chị ra khỏi nhà. Nhiều lần chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở V, C sinh sống. Sau đó được hai gia đình động viên, chị lại về sinh sống cùng anh N. Nhưng anh N vẫn không thay đổi tính tình mà mãi chơi game, không quan tâm gì đến vợ. Đến tháng 10 năm 2018, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở V- C- H sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian vợ chồng sống ly thân, anh N không tìm đón chị về mà còn có lời nói xúc phạm chị và gia đình chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh N. Theo anh N trình bày anh thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Q có biểu hiện sai lệch trong cuộc sống, thường xuyên đi chơi thâu đêm và nói dối anh nhiều lần. Trong khi đó, bố đẻ anh bị ốm đi viện, chị Q không quan tâm, hỏi han, không sống đúng phận là dâu con trong nhà. Vào tháng 11 năm 2018, chị Q có làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân thành phố C, sau đó lại rút đơn về nhưng thực tế vợ chồng cũng không về ăn ở cùng nhau. Ban đầu, anh không đồng ý ly hôn chị Q, sau đó anh nhận thấy không còn biện pháp để đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đồng ý ly hôn. Nhưng đến nay, anh cho rằng mỗi vợ chồng đều có cái sai và cần có thời gian để sửa đổi nên anh không đồng ý ly hôn chị Q.

Về con chung: Đến nay, chị Q và anh N đều không có con chung và tài sản chung.

Về tài sản chung và nợ: Chị Q và anh N không có tài sản gì chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Qua xác minh với cơ sở khu dân cư, gia đình chị Q và anh N đều xác định: Chị Q và anh N sinh sống với nhau không hòa hợp về tính cách, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, sinh sống với nhau không thể có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án thành phố C giải quyết cho hai anh chị được ly hôn theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa:

Chị Q và anh N giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thúy Q được ly hôn anh Nguyễn Trọng N. Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thúy Q khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Trọng N có địa chỉ cư trú tại khu dân cư T I, phường S, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thúy Q và anh Nguyễn Trọng N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 24/5/2018 tại UBND phường S, thành phố C nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, trầm trọng và kéo dài. Anh chị luôn nghi ngờ, thiếu tin tưởng ở nhau, không quan tâm và chăm sóc nhau kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Ban đầu, anh N xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đồng ý ly hôn chị Q, nhưng sau đó anh thay đổi quan điểm không nhất trí ly hôn chị Q. Bản thân anh N không có biện pháp nào để níu kéo tình cảm vợ chồng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh N. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q được ly hôn anh N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Q và anh N không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị Q và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4]. Về án phí:

Chị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy Q:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thúy Q ly hôn anh Nguyễn Trọng N.

- Quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy Q phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ số tiền 300.000đồng chị Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/00001153 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh H(nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H).

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- Các đương sự;
- UBND phường S, thành phố C(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương